

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thanh Nhung và bà Phạm Bích Loan.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:* Bà Ngụ Lê Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản Ch, xã Ph, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Anh **Lương Văn Nh**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn M, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

(*Chị T và anh Nh vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Chị và anh Lương Văn Nh chung sống với nhau vào năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/07/2011. Thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh Nh đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Chị nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, chỉ làm tổn thương nhau và ảnh hưởng đến con cái nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Chị và anh Nh có 01 con chung là Lương Thị Thu H – sinh ngày 11/08/2012. Khi ly hôn chị đồng ý để anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu 18 tuổi, và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/ tháng kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lương Văn Nh trình bày:

Anh và chị Lương Thị T chung sống vào năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/07/2011. Trong quá trình chung sống do điều kiện kinh tế chị T đưa con về Thanh Hóa ở với bố mẹ đẻ, anh có ra ngoài Thanh Hóa sinh sống một thời gian rồi đưa con vào đây nhưng chị T vẫn nhất quyết ở lại Thanh Hóa, anh nghĩ giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nên quay về chung sống với nhau để nuôi dạy con. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Lương Thị Thu H – sinh ngày 11/08/2012. Nếu buộc phải ly hôn anh nhận nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và đồng ý việc chị T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/ tháng kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt 02 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lương Văn Nh không đến làm việc, vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không thể tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án huyện Ea Súp căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, lập biên bản không công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/05/2020, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn anh Lương Văn Nh không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung vụ án căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị T đối với anh Lương Văn Nh.

Về con chung: Giao cháu Lương Thị Thu H – sinh ngày 11/08/2012 cho anh Lương Văn Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. chị Lương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000^đ/01 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Lương Văn Nh vắng mặt lần thứ 3 không có lý do chính đáng, chị Lương Thị T có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Lương Thị T và anh Lương Văn Nh tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/07/2011, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Lương Văn Nh mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên bảo nhưng hai vợ chồng không thể nào hàn gắn, mỗi người một quan điểm sống, mỗi người sinh sống và làm việc ở nơi khác nhau khó có cơ hội đoàn tụ với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn Nh có 01 con chung là cháu Lương Thị Thu H – sinh ngày 11/08/2012, xét về điều kiện, nguyện vọng của các bên và cháu H, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H của anh Nh đáp ứng đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu phát triển tốt nên cần giao cháu H cho anh Nh nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị T nhận cấp dưỡng nuôi con 1.000.000^d/01 tháng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đương sự phải chịu án phí dân sự thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị T.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên xử cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lương Văn Nh.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Lương Thị Thu H – sinh ngày 11/08/2012 cho anh Lương Văn Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. chị Lương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung **1.000.000^d/01** tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Chị Lương Thị T không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom cháu H để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lương Văn Nh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu H của chị T. Anh Lương Văn Nh cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản chị T đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. *Về tài sản chung và công nợ*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp theo biên lai thu số 0003228 ngày 05/05/2020. Chị Lương Thị T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án .

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Ea Súp;
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên